

Bản án số: 108/2025/HS-ST
Ngày 27 tháng 6 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S M, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Vân và ông Lò Văn Viễn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S M, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S M tham gia phiên tòa: Ông Quảng Văn Cuộc – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S M, tỉnh Sơn La xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2025/TLST-HS ngày 28/5/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2025/QĐXXST-HS ngày 30/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 185/2025/HSST-QĐ ngày 12/6/2025 đối với:

- Các bị cáo:

1. 1. Lường Văn X; tên gọi khác: không, sinh năm 1975 tại huyện S M, Sơn La; nơi cư trú: bản Xim Muội, xã Ch Kh, huyện S M, Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông: Lường Văn M và bà Lành Thị X, sinh năm 1958; vợ là Lò Thị Ch, sinh năm 1981 và có 02 người, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/4/2025 đến nay, có mặt.

1. 2. Quảng Văn L; tên gọi khác: không, sinh năm 1990 tại huyện S M, Sơn La; nơi cư trú: bản Nà Ngập, xã Ch Kh, huyện S M, Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông: Quảng Văn S, đã chết và bà Lò Thị S, sinh năm 1960; vợ là Lò Thị S, sinh năm 1992 và có 03 người, con lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/4/2025 đến nay, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- 2.1. Anh Lò Văn Ngh sinh năm 1997; nơi cư trú: bản Huổi Hào, xã Ch Kh, huyện S M, Sơn La, có mặt.
- 2.2. Anh Lò Văn Ch, sinh năm 1996; nơi cư trú: bản Huổi Hào, xã Ch Kh, huyện S M, Sơn La, có mặt.
- 2.3. Anh Lò Văn M, sinh năm 1994; nơi cư trú: bản Huổi Hào, xã Ch Kh, huyện S M, Sơn La, có mặt.
- 2.4. Anh Cút Văn T, sinh năm 1993; nơi cư trú: bản Huổi Hào, xã Ch Kh, huyện S M, Sơn La, có mặt.
- 2.5. Anh Cút Văn Th, sinh năm 1992; nơi cư trú: bản Huổi Hào, xã Ch Kh, huyện S M, Sơn La, có mặt.
- 2.6. Anh Lò Văn D, sinh năm 1996; nơi cư trú: bản Huổi Hào, xã Ch Kh, huyện S M, Sơn La, có mặt.
- 2.7. Anh Cút Văn H, sinh năm 1998; nơi cư trú: bản Huổi Hào, xã Ch Kh, huyện S M, Sơn La, có mặt.
- 2.8. Anh Quàng Văn Nh, sinh năm 1990; nơi cư trú: bản Huổi Hào, xã Ch Kh, huyện S M, Sơn La, có mặt.
- 2.9. Anh Mòng Văn T, sinh năm 1994; nơi cư trú: bản Huổi Hào, xã Ch Kh, huyện S M, Sơn La, có mặt.
- 2.10. Anh Mòng Văn Y, sinh năm 1998; nơi cư trú: bản Huổi Hào, xã Ch Kh, huyện S M, Sơn La, có mặt.
- 2.11. Anh Quàng Văn Th, sinh năm 1987; nơi cư trú: bản Nà Ngặp, Ch Kh, huyện S M, tỉnh Sơn La, có mặt.
- 2.12. Anh Quàng Văn Th, sinh năm 1985; bản Nà Ngặp, Ch Kh, huyện S M, tỉnh Sơn La, có mặt.
- 2.13. Anh Lò Văn Qu, sinh năm 1997; bản Nà Ngặp, Ch Kh, huyện S M, tỉnh Sơn La, có mặt.
- 2.14. Anh Quàng Văn T, sinh năm 1989; bản Nà Ngặp, Ch Kh, huyện S M, tỉnh Sơn La, có mặt.
- 2.15. Chị Tòng Thị Ch, sinh năm 1993; bản Nà Ngặp, Ch Kh, huyện S M, tỉnh Sơn La, có mặt.
- 2.16. Anh Lường Văn Th, sinh năm 1982; nơi cư trú: bản Xim Muội, xã Ch Kh, huyện S M, Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2019, tại tổ 3, thị trấn S M, Lường Văn X gặp bạn là Vũ Tiến Dũng, sinh năm 1982, trú tại bản Hải Sơn, Ch Kh, S M, Sơn La. Do là bạn học cùng từ trước nên Dũng mời X vào ngồi cùng bàn để uống nước nói chuyện. Tại đây, Dũng giới thiệu với X người đàn ông ngồi uống nước cùng tên là Bằng

nhà ở thành phố Sơn La, làm ở bên thi sát hạch lái xe của Sở giao thông và Bằng có khả năng làm giấy phép lái xe mô tô hạng A1 thật mà không phải thi. Sau đó, Bằng đặt vấn đề với X đi tìm người có nhu cầu làm giấy phép lái xe mô tô thì giới thiệu để Bằng làm cho với giá là 2.700.000 đồng/01 giấy phép lái xe, nếu giới thiệu được thì mỗi hồ sơ Bằng sẽ chia cho X 200.000 đồng tiền hoa hồng, X nghi ngờ việc mua giấy phép lái xe không phải thi có thể là giả nên hỏi lại Bằng là giấy phép lái xe có phải là thật không thì Bằng nói là giấy phép lái xe thật, giờ giấy phép lái xe mới quét mã QR hiện thông tin tên tuổi mới đúng là thật. Nghe vậy, X có nói để về tìm xem có ai có nhu cầu không, rồi X và Bằng lấy số điện thoại của nhau để liên lạc, số điện thoại của Sương là số thuê bao 0395.276.885 và số điện thoại của Bằng là 0367.235.329. Sau lần gặp đầu tiên, X về nhà cũng không thấy có ai có nhu cầu làm giấy phép lái xe nên cũng không liên lạc gì với Bằng nữa.

Thời gian từ tháng 10/2020, X nghe tin Dũng bị bệnh gan ốm nặng nên đến thăm Dũng tại nhà ở bản Hải Sơn, Ch Kh, S M, Sơn La thì tình cờ gặp lại Bằng cũng có mặt tại đây. Bằng tiếp tục đặt vấn đề nhờ X đi tìm người có nhu cầu làm giấy phép lái xe. Lúc này, X chỉ trả lời là sẽ về tìm xem có ai có nhu cầu thì sẽ báo lại sau. Khoảng tháng 11/2020, X đi đến nhà Lương Văn Thanh ở bản Huổi Xim (nay là bản Xim Muội), Ch Kh, S M uống rượu thì gặp Quảng Văn L, sinh năm 1990, trú tại bản Nà Ngập, Ch Kh, S M, Sơn La. Quá trình nói chuyện, X nói với Lịch là có quen với một người ở thành phố Sơn La có khả năng làm giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mà không cần thi và bảo Lịch tìm người có nhu cầu thì giới thiệu, nếu giới thiệu được thì sẽ được hưởng tiền công, mỗi người làm chuẩn bị hồ sơ gồm chứng minh thư nhân dân bản gốc, 03 ảnh chân dung cùng số tiền 500.000 đồng để đặt cọc. Lịch cũng nghi ngờ có thể là giấy phép lái xe giả nên đã hỏi lại X *“Có phải là giấy phép lái xe thật hay không?”*, X nói *“Chắc là thật vì họ cho kiểm tra, nếu là thật mới lấy tiền mà”*. Nghe vậy, Lịch đồng ý là sẽ đi tìm người nào có nhu cầu thì báo lại cho X.

Sau ngày hôm đó, Lịch đi đến bản Huổi Hào, xã Ch Kh, S M tìm và rủ được: Lò Văn Nghiêm, sinh năm 1997; Lò Văn Chín, sinh năm 1996; Lò Văn Mười, sinh năm 1994; Cút Văn Toàn, sinh năm 1993; Cút Văn Thương, sinh năm 1992; Lò Văn Dân, sinh năm 1996; Cút Văn Hùng, sinh năm 1998; Quảng Văn Nhất, sinh năm 1990; Mòng Văn Tuấn, sinh năm 1994; Mòng Văn Yên, sinh năm 1998 đều cùng trú tại bản Huổi Hào, xã Ch Kh làm giấy phép lái xe mô tô thông qua X, đồng thời mỗi người đưa cho Lịch tiền cọc là 500.000 đồng, 01 giấy photo chứng minh nhân dân cùng ảnh chân dung. Sau đó, Lịch mang toàn bộ ảnh, chứng minh nhân dân và tiền đặt cọc của 10 người nêu trên đến nhà đưa cho X. Sau khi Lịch đi về, X gọi điện thoại cho Bằng thông báo về việc có 10 trường hợp có nhu cầu làm giấy phép lái xe nhưng X nói không phải do mình trực tiếp đi tìm mà thông qua người khác thì có được tiền hoa hồng không? Bằng trả lời nếu vậy thì mỗi hồ sơ được 400.000 đồng, mỗi người được 200.000 đồng trên một hồ sơ. Sau đó, Bằng trực tiếp đến nhà X nhận hồ sơ và tiền đặt cọc nhưng không vào nhà mà chỉ đứng ở ngoài đường cách nhà X khoảng 30 mét.

Khoảng tháng 11/2020, Lịch tiếp tục đến giới thiệu cho Quảng Văn Tương, sinh năm 1989, trú tại bản Nà Ngập, Ch Kh và bảo Tương xem trong bản có ai

muốn làm giấy phép lái xe mô tô với giá 2.700.000 đồng mà không cần phải làm hồ sơ và đi thi vẫn có giấy phép thì bảo Lịch làm cho. Do Tương cũng chưa có giấy phép lái xe nên đã hỏi ai làm thì Lịch nói là X ở bản Huổi Xim, Ch Kh, S M làm được giấy phép lái xe mô tô. Sau khi về bản Nà Ngập, Tương đã đi đến rủ thêm được Quảng Văn Thanh, sinh năm 1987; Quảng Văn Thuật, sinh năm 1985; Lò Văn Quan, sinh năm 1997 đều trú tại bản Nà Ngập, Ch Kh cùng nhau làm giấy phép lái xe mô tô, trong đó có Thanh, Thuật và Tương nộp hồ sơ và tiền đặt cọc cho Lịch, sau đó Lịch mang đến nhà đưa lại cho X để làm giấy phép lái xe thông qua Bằng như lần trước đó. Do Quan đi hỏi đặt làm giấy phép lái xe muộn hơn nên đã trực tiếp đến nộp hồ sơ, tiền đặt cọc cho X tại nhà ở bản Xim Muội, xã Ch Kh. Ngoài ra, còn có trường hợp Tòng Thị Chiêng, sinh năm 1993, trú tại bản Nà Ngập, Ch Kh, S M gián tiếp biết được việc có thể mua giấy phép lái xe mà không phải thi qua những người được Lịch đã giới thiệu trước đó, nên đã mang hồ sơ, tiền đặt cọc đến nhà nộp trực tiếp cho X để làm giấy phép lái xe. Sau khi nhận được hồ sơ, tiền đặt cọc của 05 trường hợp còn lại X tiếp tục gọi Bằng đến nhận hồ sơ, tiền đặt cọc như lần đầu.

Khoảng đầu tháng 12/2020, Bằng đến đoạn đường gần nhà X đã gọi X ra để đưa các Giấy phép lái xe mô tô của 10 trường đặt làm đợt đầu cho X, đồng thời hướng dẫn X dùng ứng dụng Zalo quét mã QR trên giấy phép lái xe và bảo với X nếu hiện tên tuổi và số giấy phép lái xe trùng nhau thì đó là giấy phép lái xe thật. Sau khi nhận giấy phép lái xe, X thông qua Lịch thông báo cho những người làm giấy phép mang theo số tiền 2.200.000 đồng/01 người đến nộp cho X để nhận và kiểm tra giấy phép lái xe bằng cách quét mã QR. Khoảng 10-15 ngày sau, Bằng tiếp tục đến đưa các Giấy phép lái xe mô tô của 05 trường hợp đặt làm đợt hai cho X, rồi X tiếp tục thông qua Lịch và trực tiếp thông báo cho những người đặt giấy phép lái xe mang theo số tiền 2.200.000 đồng/01 người đến đưa cho X để nhận giấy phép lái xe. Mỗi đợt nhận đủ tiền của những người đặt làm giấy phép lái xe, X gọi điện thông báo lại cho Bằng. Khi Bằng đến nhận tiền đã trả lại luôn cho X số tiền 400.000 đồng/01 giấy phép lái xe, trong đó của X và Lịch mỗi người được hưởng số tiền là 200.000 đồng. Bằng đã đưa trực tiếp tiền hoa hồng cho một mình X nhận, chia thành 02 (hai) lần: Lần một Bằng trả cho X 4.000.000 đồng cho 10 hồ sơ được X giới thiệu (trong đó X và Lịch mỗi người được 2.000.000 đồng); Lần hai Bằng đưa cho X 1.600.000 đồng cho 05 hồ sơ được X giới thiệu (trong đó X được nhận 1.000.000 đồng, Lịch được nhận 600.000 đồng do chỉ trực tiếp nhận hồ sơ cho 03 trường hợp). Đồng thời Bằng nói là sẽ giữ lại 400.000 đồng để liên hoan, nhưng X bảo Lịch không đến không tổ chức liên hoan được, nên X xin thêm của Bằng được 200.000 đồng. Sau khi nhận tiền Bằng đưa cả hai lần thì X mới đưa lại cho Lịch số tiền 2.600.000 đồng trong một lần. Tổng thực tế Lịch được nhận là 2.600.000 đồng cho 13 hồ sơ, còn X được nhận số tiền là 3.200.000 đồng cho 15 hồ sơ (*trong đó có 200.000 đồng là X xin thêm*). Sau khi nhận được số tiền hoa hồng nêu trên, X và Lịch đã sử dụng hết vào việc chi tiêu, sinh hoạt hàng ngày.

Những người đặt làm giấy phép lái xe, sau khi nhận được giấy phép lái xe từ X đã mang về nhà nhưng hầu hết những người này chưa kịp mang ra sử dụng, trong đó có trường hợp của Tòng Thị Chiêng đã làm mất, thất lạc giấy phép lái xe

đã đặt làm không tìm lại được. Đến ngày 03/3/2021, Quảng Văn Tương đem theo giấy phép lái xe mô tô rồi điều khiển xe mô tô đi đến bản Lướt, Ch Kh, S M thì bị tổ công tác CSGT Công an huyện S M, Sơn La đang làm nhiệm vụ ra hiệu lệnh dừng xe kiểm tra hành chính, Tương xuất trình giấy phép lái xe mô tô thì được cán bộ CSGT phát hiện giấy phép lái xe của Tương không phải là giấy phép xe do cơ quan có thẩm quyền cấp và lập biên bản xử phạt hành chính các hành vi vi phạm của Tương. Sau khi bị xử phạt, Tương mới biết giấy phép lái xe mô tô hạng A1 của mình đặt làm qua X là giả. Nên đến ngày 05/3/2021, Tương đã làm đơn tố giác X gửi đến cơ quan chức năng để giải quyết. Những người còn lại sau khi được Quảng Văn Tương kể lại việc bị xử phạt hành chính thì mới nghi ngờ giấy phép lái xe của mình là giả và đã chủ động trình báo với Cơ quan điều tra, giao nộp các giấy phép lái xe và các tài liệu liên quan.

Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ được của những người đặt làm từ X và Lịch gồm: 14 giấy phép lái xe, 10 biên bản sát hạch thực hành lái xe, 11 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái mô tô, 10 giấy khám sức khỏe, 11 đơn đề nghị học để cấp giấy phép lái xe, còn một số tài liệu khác không thu giữ được do một số người đã làm mất. Riêng đối với hồ sơ và giấy phép lái xe của Tòng Thị Chiêng, do sau khi nhận được giấy phép lái xe và hồ sơ thì Chiêng đã làm mất, thất lạc nhưng không nhớ được chính xác thời gian, địa điểm làm mất nên không truy tìm được.

Ngày 28/4/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện S M đã quyết định trưng cầu giám định đối với các giấy tờ, tài liệu thu giữ: 14 Giấy phép lái xe mô tô thu giữ được ký hiệu từ A1 đến A14; 10 Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình có chữ ký tại mục “SÁT HẠCH VIÊN KÝ TÊN” không ghi họ, ký hiệu A15; 11 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe mô tô có chữ ký tại mục “Phòng Quản lý sát hạch cấp GPLX GIÁM ĐỐC” đề tên Phạm Thanh Tuấn, có hình dấu tròn có nội dung “TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI - SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI”, ký hiệu A16; 10 Giấy khám sức khỏe của người lái xe có chữ ký dưới mục “NGƯỜI KẾT LUẬN” đề tên Nguyễn Văn Thìn và có hình dấu tròn có nội dung “BỘ Y TẾ - BỆNH VIỆN GTVT - GIÁM ĐỊNH Y KHOA”, ký hiệu A17.

Tại bản Kết luận giám định số: 1003 ngày 18/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Sơn La, kết luận:

“1. 14 (Mười bốn) Giấy phép lái xe ký hiệu từ A1 đến A14 là Giấy phép lái xe giả.

2. Chữ ký trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A15 đến A17 không phải là chữ ký trực tiếp. Chữ ký được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

3. Hình dấu tròn có nội dung “TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI - SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI” trên mẫu cần giám định ký hiệu A16 và hình dấu tròn có nội dung “BỘ Y TẾ - BỆNH VIỆN GTVT - GIÁM ĐỊNH Y KHOA” trên mẫu cần giám định ký hiệu A17 không phải là hình dấu được đóng trực tiếp. Hình dấu được tạo ra bằng phương pháp in phun màu”.

Trong quá trình giải quyết tố giác về tội phạm, Cơ quan CSĐT Công an huyện S M đã tiến hành xác minh đối với người đàn ông tên Bằng, ra văn bản yêu cầu Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel cung cấp thông thuê bao số điện thoại của Bằng, công văn yêu cầu Công ty cổ phần VNG Việt Nam cung cấp thông tin ứng dụng Zalo nhưng chưa có kết quả nên vụ việc được tạm đình chỉ giải quyết từ ngày 06/7/2021. Ngày 16/8/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện S M ra quyết định phục hồi giải quyết tố giác.

Tại bản cáo trạng số: 74/CT-VKS ngày 27/5/2025, của Viện kiểm sát nhân dân huyện S M đã truy tố các bị cáo Lương Văn X, Quảng Văn L về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Lương Văn X, Quảng Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thừa nhận bản cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S M trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lương Văn X, Quảng Văn L phạm tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Áp dụng điểm b, đ khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lương Văn X từ 02 năm 08 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án

Xử phạt bị cáo Quảng Văn L từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Biện pháp tư pháp: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội là 40.500.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai số 0001950 ngày 11/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S M, tỉnh Sơn La do anh Lương Văn Thương nộp thay.

Ý kiến của các bị cáo: Nhất trí với phần luận tội của kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, cải tạo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn Thương: Số tiền tôi nộp theo biên lai số 001950 ngày 11/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S M, tỉnh Sơn La là tiền của Lương Văn X, Quảng Văn L, tôi nhất trí với đề nghị của viện kiểm sát đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của toàn bộ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Văn Chín, Lò Văn Nghiêm, Lò Văn Mười, Cút Văn Toàn, Cút Văn Thương, Lò Văn Dân, Cút Văn Hùng, Quảng Văn Nhất, Mòng Văn Tuấn, Mòng Văn Yên, Quảng Văn

Thanh; Quảng Văn Thuật, Lò Văn Quan; Tòng Thị Chiêng, Quảng Văn Tương: Nhất trí với phần luận tội của kiểm sát viên về phần trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Nhất trí với việc tịch thu sung công quỹ số tiền đã nộp để làm giấy phép lái xe giả, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện S M, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S M, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S M, không thay đổi, bổ sung nội dung gì, hoàn toàn nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S M là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo khẳng định khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc đã thực hiện.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với: Kết luận giám định số: 1003 ngày 18/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Sơn La; Các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung đối với các bị cáo về thời gian, địa điểm, diễn biến việc thực hiện hành vi phạm tội; Biên bản ghi lời khai của người chứng kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác trong hồ sơ.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Lương Văn X và Quảng Văn L đều biết rõ muốn được cấp giấy phép lái xe là phải nộp hồ sơ tại cơ quan có thẩm quyền, trực tiếp tham gia thi sát hạch, đạt đủ điều kiện mới được cấp giấy phép lái xe. Tuy nhiên, sau khi nghe người đàn ông tên Bằng nói có khả năng làm giấy phép lái xe mô tô hạng A1 thật mà không phải thi với giá 2.700.000 đồng/01 trường hợp thì các bị cáo tin là có ngoại lệ, tin có thể làm được bằng thật mà không phải thi sát hạch. Bằng hứa trả tiền công cho mỗi người 200.000 đồng/hồ sơ nên các bị cáo Lương Văn X và Quảng Văn L đã tìm kiếm, giới thiệu nhiều người có nhu cầu làm giấy phép lái xe. Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 đến tháng 12/2020, đã giới thiệu được 15 người, thu tổng số tiền 40.500.000 đồng và các giấy tờ của những người này rồi chuyển lại cho người tên Bằng. Bằng chuyển lại 15 giấy phép lái xe mô tô và trả 5.800.000 đồng tiền công, X chia cho Lịch 2.600.000 đồng, giữ lại 3.200.000 đồng; là tình tiết định khung trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét về vai trò, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm về hình sự, biết rõ việc không thi sát hạch mà cấp giấy phép lái xe mô tô là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến trật tự hành chính, ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan nhà nước trong công tác quản lý hành chính về sát hạch và cấp giấy phép lái xe. Nhưng vì hám lời, các bị cáo đã bất chấp hậu quả và thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Xét vai trò của các bị cáo thấy: Sau khi được Bằng giới thiệu về việc làm giấy phép lái xe không phải thi sát hạch, Lường Văn X là đầu mối, tích cực tìm người có nhu cầu làm bằng lái xe, nhận tiền và hồ sơ từ Lịch giao cho Bằng. Quảng Văn L cùng thực hành với Lường Văn X, có vai trò giúp sức cho Lường Văn X. Do đó cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự cá thể hóa hình phạt với các bị cáo.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Sau khi phạm tội, các bị cáo thành khẩn khai báo, tại phiên tòa tỏ ra ăn năn hối cải về việc đã làm; các bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại đã xảy ra nên cần áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự với các bị cáo. Ngoài ra các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, phạm tội một phần do nhận thức pháp luật hạn chế; kể từ ngày thực hiện hành vi phạm tội (tháng 12/2020) đến nay luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Đảng và nhà nước; đã được gia đình và chính quyền địa phương bảo lãnh xin cho hưởng án treo là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phần nào đối với bị cáo.

Xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định; có cơ quan có thẩm quyền giám sát, giáo dục. Phạm tội nhiều lần nhưng là tình tiết định khung hình phạt nên không áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các lần phạm tội đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, 02 tình tiết thuộc khoản 1 và 03 tình tiết thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội bởi các bị cáo có khả năng tự cải tạo. Cần áp dụng khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt tù nhưng cho các bị cáo hưởng án treo. Việc các bị cáo hưởng mức án phạt tù cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội; các bị cáo cải tạo ngoài cộng đồng cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện đường lối xét xử vừa nghiêm trị, vừa khoan hồng, nhân văn của Nhà nước.

Căn cứ khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo đang bị tạm giam nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Quá trình điều tra xác minh xét thấy, các bị cáo không có tài sản có giá trị, thu nhập không ổn định, không có khả năng thi hành. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] *Vật chứng vụ án*: Đối với 14 giấy phép lái xe hạng A1, ký hiệu lần lượt từ A1 đến A14 tiếp tục cất giữ trong 01 phong bì niêm phong dán kín lưu cùng hồ sơ vụ án.

[7] *Các vấn đề khác*:

Đối với người tên Bằng, các bị cáo không biết họ tên, địa chỉ cụ thể; cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh số điện thoại 0367.235.329 và xác minh tại Sở giao thông vận tải Sơn La giai đoạn từ năm 2019 đến cuối năm 2021, xác định không có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nào tên là Bằng. Do đó, không có căn cứ điều tra, xác minh làm rõ người giới thiệu tên Bằng đã làm giả giấy phép lái xe, chấp nhận.

Đối với hành vi của sử dụng Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 do Lương Văn X cung cấp khi bị lực lượng Cảnh sát giao thông phát hiện của Quảng Văn Tương thấy: Khi sử dụng Quảng Văn Tương không biết là giấy phép lái xe giả nên không cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự là đúng quy định.

Đối với Lò Văn Nghiêm, Lò Văn Chín, Lò Văn Mười, Cút Văn Toàn, Cút Văn Thương, Lò Văn Dân, Cút Văn Hùng, Quảng Văn Nhất, Mòng Văn Tuấn, Mòng Văn Yên, Quảng Văn Thanh, Quảng Văn Thuật, Lò Văn Quan và Tòng Thị Chiêng, hội đồng xét xử thấy: Đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hiểu biết và nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế; tin tưởng sẽ có ngoại lệ, không thi vẫn được cấp giấy phép lái xe nên không cấu thành “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự.

Biện pháp tư pháp: Các bị cáo thừa nhận đã thu tổng số tiền 40.500.000 đồng của 15 người rồi chuyển lại cho người tên Bằng. Bị cáo X giữ lại 3.200.000 đồng, chia cho Lịch 2.600.000 đồng. Tuy nhiên không xác định được tên tuổi, địa chỉ của người tên Bằng nên cơ quan điều tra không mở rộng được vụ án. Buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm với tổng số tiền đã thu là 40.500.000 đồng, tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] *Về án phí*: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt

Căn cứ điểm b, đ khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Lương Văn X, Quảng Văn L phạm tội: Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Xử phạt bị cáo Lương Văn X 34 (ba mươi tư) tháng tù nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27 tháng 6 năm 2025).

Xử phạt bị cáo Quảng Văn L 32 (ba mươi hai) tháng tù nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27 tháng 6 năm 2025).

Giao các bị cáo Lương Văn X, Quảng Văn L cho UBND xã Ch Kh, huyện S M, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo Lương Văn X, Quảng Văn L có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Ch Kh, huyện S M, tỉnh Sơn La trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo đang bị tạm giam nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội là 40.500.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền anh Lương Văn Thương đã nộp theo biên lai số 0001950 ngày 11/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S M, tỉnh Sơn La.

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được kháng cáo phần trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Cơ quan thi hành án Hình sự Công an tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện S M (02 bản);
- Chi cục THADS huyện S M ;
- UBND xã Ch Kh, huyện S M;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mai